

**Bản án số: 41/2022/HSST.
Ngày: 01/8/2022.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI – TP HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Nguyễn Tiến Dũng**

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Huy Trọng và bà Nguyễn Thị Nguyệt

- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà Phạm Anh Bích- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Oai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 và ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội; xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 44/2022/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2022. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022 ngày 15 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Anh L, Sinh năm: 1988; ĐKKH và nơi ở: Thôn DH, xã TD, huyện SS, TP Hà Nội; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Dương Minh Đ; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L1; Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Danh chỉ bản số: 25/2022 do Công an huyện Thanh Oai lập ngày 19/01/2022

Tiền án: Ngày 25/4/2017 bị Tòa án nhân dân quận HM, thành phố Hà Nội xử phạt 22 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chấp hành án phạt tù xong vào ngày 01/8/2018).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: - Ngày 24/5/2010 bị Tòa án nhân dân huyện SS, thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Năm 2013 bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện số 6 Hà Nội.

- Ngày 26/5/2020 bị Công an xã TD, huyện SS, thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp giáo dục tại xã

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/01/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Thanh Oai và trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất.*

Người bị hại: Ông Nguyễn Đăng C, sinh năm 1965

Trú tại: tổ X, thị trấn KB, huyện TO, TP Hà Nội. Ông C có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Dương Anh L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Sáng ngày 15/7/2020 Dương Anh L sinh năm 1988 đang ở nhà tại thôn DH, xã TD, huyện SS, thành phố Hà Nội thì Nguyễn Mạnh L2 sinh năm 1987, trú tại thôn MT, xã TD, huyện SS, thành phố Hà Nội gọi điện thoại bảo L ra quán nước ở Thị trấn SS để L2 nhờ có việc. Khi đến nơi, L gặp L2 và Đặng Toàn T sinh năm 1989, ở cùng thôn với L2. T nói với L “hiện tôi đang khó khăn, tôi đã vay tiền ở dưới Hà Nội rồi, ông giúp tôi đứng tên ông rồi xuống đó vay giúp tôi tiền”, L trả lời “tôi vay giúp mà ông không trả thì thành ra tôi có tội”. Lúc này T nói “ông yên tâm tôi nhờ ông vay tôi sẽ trả đầy đủ, tôi đang làm ở trường Công an ông yên tâm”. Nghe T nói vậy thì L đồng ý sẽ vay tiền hộ T. T bảo L đưa Căn cước công dân của L cho T đồng thời T dùng điện thoại di động của mình chụp ảnh chân dung của L. T hẹn khi nào chuẩn bị xong giấy tờ để vay tiền thì sẽ gọi điện thoại báo cho L. Đến đầu giờ chiều cùng ngày, T gọi điện thoại cho L, bảo ra quán nước đã gặp nhau vào buổi sáng để đi cùng T xuống Hà Nội vay tiền. Khi chờ nhau đi trên đường, T nói với L “tôi đã làm giấy tờ xong hết rồi, ông cứ bảo ông làm cán bộ Công an xuống dưới đây chỉ việc ký là xong”. Nghe vậy L hỏi lại T “giờ người ta biết tôi không phải là cán bộ Công an thì làm thế nào” thì T nói “ông yên tâm tôi đã làm giấy tờ Công an cho ông rồi ông cứ đi xuống cùng tôi”. Sau đó T chở L đến đoạn đường LH thì dừng lại, T bảo L đứng đợi ở lề đường rồi T đi xe máy vào trong ngõ gần đó (không rõ ngõ số bao nhiêu). Khoảng 05 phút sau T quay ra tiếp tục điều khiển xe máy chở L đi đến huyện TO. Khi đến địa phận Thị trấn KB, huyện TO, thành phố Hà Nội, T dùng xe cạnh quán nước ở lề đường rồi cùng L vào quán uống nước. Tại đây, T lấy trong người ra 01 giấy Chứng minh Công an nhân dân giả mang tên, ngày tháng năm sinh, ảnh của L, là cán bộ Công an quận HĐ - Hà Nội. T nói "dùng thẻ này để vay tiền" rồi T tiếp tục điều khiển xe máy chở L đi thêm khoảng 200 mét thì dừng lại trước cửa Văn phòng công chứng BM của ông Nguyễn Đăng C sinh năm 1965, địa chỉ: Tổ 3, Thị trấn KB, huyện TO, thành phố Hà Nội. T dặn L “nếu ai có hỏi thì bảo ông làm cùng tôi và bảo tôi tên là Dương” rồi T đi vào bên trong còn L đứng ở ngoài cửa đợi. Khoảng 03 phút sau T gọi L vào văn phòng của ông C, T lấy giấy Chứng minh Công an nhân dân mang tên Dương Anh L đưa cho L, L lấy Căn cước công dân của mình rồi đưa cả hai cho ông C. Sau đó ông C soạn thảo và in ra 02 bản "Hợp đồng vay tiền" có cùng nội dung, mỗi hợp đồng gồm 02 tờ giấy A4 (03 trang có chữ) với nội dung ông C cho L vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) trong thời hạn 01 tháng, lãi suất là 20%/năm. Ông C đưa "Hợp đồng vay tiền" cho T, T cầm đọc rồi ký ở phía dưới cuối trang 1, trang 2 và ký, điểm chỉ ngón trỏ phải, ghi rõ họ tên giả là Nguyễn Văn D ở dưới chữ ký mục "Bên bảo lãnh (Bên C)" ở trang 3, sau đó T đưa "Hợp đồng vay tiền" cho L đọc rồi ký ở trang 1, trang 2 và ký, điểm chỉ ghi rõ họ tên Dương Anh L ở dưới mục "Bên vay (Bên B)" ở trang 3 rồi đưa 01 bản "Hợp đồng vay tiền" cho T, còn ông C giữ 01 bản. Ông C lấy tiền đưa cho L, giữ lại 01 tháng tiền lãi là

4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và đưa L số tiền còn lại là 196.000.000 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định: Từ ngày 01/9/2020 đến ngày 22/10/2020, Đăng Toàn T đã sử dụng tài khoản số: 19035636964033 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) của T để chuyển khoản đến tài khoản số: 109872010240 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Viettinbank) của ông C để trả lãi 03 lần với tổng số tiền là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Đến ngày 29/10/2020, L cùng T đến gặp ông C rồi chuyển qua tài khoản trả thêm số tiền lãi là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Sau đó Đăng Toàn T tiếp tục hỏi ông C cho L vay thêm 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng ông C không cho vay thêm.

Ông C đã nhiều lần liên lạc với T và L để đòi tiền nhưng không liên lạc được. Đến tháng 7/2021, thấy L không trả tiền gốc và lãi nên ông C đã tìm hiểu để đòi nợ thì biết được thông tin các đối tượng sử dụng tên giả để vay tiền. Ông C đã gửi đơn tố giác đến Công an huyện Thanh Oai yêu cầu giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

*** Tại Kết luận giám định số: 6600/C09-P5 ngày 29/10/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:** Giấy chứng minh Công an nhân dân số 195-627 mang tên Nguyễn Mạnh L2 ngày 17/8/2019 cần giám định (ký hiệu A) là Giấy chứng minh Công an nhân dân giả.

*** Tại Kết luận giám định số: 8301/C09-P5 ngày 31/12/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:**

- Giấy chứng minh Công an nhân dân số 502-241 mang tên Dương Anh L ngày 08/3/2019 là Giấy chứng minh Công an nhân dân giả (bao gồm: mẫu in, hình dấu, chữ ký).

- Chữ ký thứ hai từ trái qua phải phía dưới trang 1, trang 2 và chữ ký, chữ viết dưới mục “BÊN VAY (Bên B)” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Mạnh L2 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký thứ nhất từ trái qua phải phía dưới trang 1, trang 2 và chữ ký, chữ viết dưới mục “BÊN BẢO LÃNH (Bên C)” trên mẫu giám định ký hiệu A2; chữ ký thứ hai từ trái qua phải phía dưới trang 1, trang 2 và chữ ký, chữ viết dưới mục “BÊN BẢO LÃNH (Bên C)” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết của Đăng Toàn T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M14 do cùng một người ký, viết ra.

- Những người có mẫu chữ ký đứng tên Nguyễn Mạnh L2, Đăng Toàn T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M14 có các chữ ký khác dạng so với chữ ký thứ nhất từ trái qua phải phía dưới trang 1, trang 2 và chữ ký dưới mục “BÊN VAY (Bên B)” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng những người đứng tên trên ký ra không.

- Những người có mẫu chữ viết đứng tên Nguyễn Mạnh L2, Đăng Toàn T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M14 không viết ra các chữ ký “Dương Anh L” dưới mục “BÊN VAY (Bên B)” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A3.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký thứ nhất từ trái qua phải phía dưới trang 1, trang 2 và chữ ký, chữ viết dưới mục “BÊN VAY (Bên B)” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết của Dương Anh L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M15 đến M18 có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

*** Tại Kết luận giám định số: 8305/C09-P3 ngày 10/12/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:**

1. Trên hợp đồng vay tiền ký hiệu A1 có 06 dấu vân tay đủ yếu tố giám định (ký hiệu từ số 01 đến 06 từ trái qua phải) trong đó:

- Dấu vân tay số 03, số 04 với dấu vân tay in ở ô trống trái, trống phải trên Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân ghi tên Nguyễn Mạnh L2, sinh ngày 29/04/1987 (mẫu so sánh M1) là dấu vân tay của cùng một người;

- Dấu vân tay số 05, số 06 với dấu vân tay in ở ô trống trái, trống phải trên Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân ghi tên Đặng Toàn T, sinh ngày 31/07/1989 (mẫu so sánh M2) là dấu vân tay của cùng một người.

2. Trên hợp đồng vay tiền ký hiệu A2 có 03 dấu vân tay đủ yếu tố giám định (ký hiệu số 07, 08 và 09 tính từ trái qua phải) trong đó:

- Dấu vân tay số 08 với dấu vân tay in ở ô trống phải trên Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân ghi tên Dương Anh L, sinh ngày 26/01/1988 (mẫu so sánh M3) là dấu vân tay của cùng một người;

- Dấu vân tay số 09 với dấu vân tay in ở ô trống phải trên Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân ghi tên Đặng Toàn T, sinh ngày 31/07/1989 (mẫu so sánh M2) là dấu vân tay của cùng một người.

3. Các dấu vân tay số 01, 02 trên hợp đồng vay tiền ký hiệu A1 và dấu vân tay số 07 trên hợp đồng vay tiền ký hiệu A2 không phải dấu vân tay của ai trong số 03 người in mẫu vân tay so sánh trên các mẫu M1, M2, M3.

*** Tại Kết luận giám định số: 1562/KL-KTHS ngày 10/6/2022 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:**

- Giấy chứng minh Công an nhân dân số 195-350 mang tên Nguyễn Văn D cấp ngày 19/8/2019 là Giấy chứng minh Công an nhân dân giả (bao gồm: mẫu in, hình dấu, chữ ký).

- Chữ ký thứ nhất từ trái qua phải phía dưới trang 1, trang 2 và chữ ký, chữ viết dưới mục "BÊN VAY (Bên B)" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Dương Anh L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký và viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Nguyễn Đăng C yêu cầu Dương Anh L phải trả cho toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 196.000.000 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu)..

Tại Cơ quan điều tra, L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Cáo trạng số 43/KSĐT ngày 13 tháng 7 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai, TP Hà Nội truy tố bị cáo Dương Anh L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 3, điều 174 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra truy tố, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Đăng C

thay đổi lời khai khẳng định trong hợp đồng vay tiền đã ký kết ghi L vay 200.000.000đồng nhưng thực tế ông C rút lại 4.000.000 đồng do L cảm ơn, chỉ đưa cho L 196.000.000đồng. Đến nay ông C yêu cầu bị cáo L phải trả cho ông số tiền 196.000.000đồng. Bị cáo cũng thừa nhận ông C đã rút 4.000.000 đồng từ số tiền ông C cho L vay. Do đó đại diện Viện kiểm sát đã rút truy tố từ điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS xuống điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS là phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai người bị hại, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c, khoản 2 Điều 174; Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ Luật Hình sự phạt: Dương Anh L từ 06 năm đến 6 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, được trừ thời gian, tạm giam.

Buộc bị cáo phải trả cho ông C toàn bộ số tiền là 196.000.000đồng (*một trăm chín mươi sáu triệu*).

- Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố, về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về: Khởi tố vụ án; khởi tố bị can; phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; áp dụng biện pháp tạm giam. Về các biện pháp điều tra như: Lấy lời khai bị can, lấy lời khai của bị hại; thu giữ vật chứng; trưng cầu giám định; về việc giao nhận các văn bản tố tụng cho bị can đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập đầy đủ, đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên: Không mớm cung, ép cung, bức cung, dùng nhục hình đối với bị can.

[1.2]. Về nội dung: Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Đăng C thay đổi lời khai khẳng định trong hợp đồng vay tiền đã ký kết ngày 15/7/2020 ghi L vay 200.000.000đồng nhưng thực tế ông C rút lại 4.000.000 đồng do L cảm ơn, chỉ đưa cho L 196.000.000đồng. Đến nay ông C yêu cầu bị cáo L phải trả cho ông số tiền 196.000.000đồng. Bị cáo cũng thừa nhận ông C đã rút 4.000.000 đồng từ số tiền ông C cho L vay. Mặc dù bị cáo Dương Anh L không thừa nhận việc chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ của ông Nguyễn Đăng C, mà chỉ thừa nhận vay 100.000.000đồng và do ông C rút lại 4.000.000 đồng, bị cáo chỉ chiếm đoạt 96.000.000 đồng của ông C là không có căn cứ. Căn cứ vào Kết luận giám định số 1562/KL-KTHS ngày 10/6/2022 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, xác định chữ ký thứ nhất từ trái qua phải phía dưới trang 1, trang 2 và chữ ký, chữ viết dưới mục "BÊN VAY (Bên B)")" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Dương Anh L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký và viết ra. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận ngày 15/7/2022 Dương Anh L đã dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng giấy Chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Dương Anh L, để chiếm đoạt số

tiền 196.000.000 đồng của ông Nguyễn Đăng C sinh năm 1965, địa chỉ: Tổ X, Thị trấn KB, huyện TO, thành phố Hà Nội là phù hợp với lời khai tại phiên tòa của ông C. Do đó đại diện Viện kiểm sát đã rút truy tố từ điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS xuống điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS là phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai người bị hại, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật hình sự, thì hành vi của Dương Anh L đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Về tính chất vụ án: Vụ án có tính chất nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của ông Nguyễn Đăng C được nhà nước bảo vệ, làm mất ổn định an ninh trật tự địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để có tính răn đe và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai báo nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

-Đối với hành vi của Đặng Toàn T và Nguyễn Mạnh L2, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh và triệu tập đến làm việc nhưng T, L2 không có mặt tại địa phương, không rõ đang ở đâu, làm gì. Ngày 15/4/2022 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối với T, L2, đến nay chưa có kết quả. Mặt khác, ngoài hành vi phạm tội cùng L vào ngày 15/7/2020 thì T còn cùng với L2 sử dụng giấy tờ giả để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Xét thấy việc chứng minh tội phạm đối với T và L2 không ảnh hưởng đến kết quả điều tra hành vi phạm tội của bị cáo Dương Anh L, do đó ngày 16/6/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra -Công an huyện Thanh Oai đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số: 02/QĐ-CSĐT(ĐTTH) để tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Đặng Toàn T và Nguyễn Mạnh L2 theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Nguyễn Đăng C 196.000.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu)

Về vật chứng: không có.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Dương Anh L** phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2.Về Điều luật áp dụng hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Dương Anh L** 07 (bảy) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/01/2022.

3.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 357,468 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Dương Anh L phải trả cho ông Nguyễn Đăng C số 196.000.000đồng (*một trăm chín mươi sáu triệu đồng*).

* Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên mà bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, nếu có thỏa thuận về lãi chậm trả thì tính theo thỏa thuận đó nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì tính theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

4.Về án phí: Căn cứ nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH14 quy định về án án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Dương Anh L phải chịu 200.000đồng (hai trăm) án phí hình sự sơ thẩm và 9.800.000đồng (chín triệu tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự.

6. Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 01/8/2022.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện; CQĐT;
- THA HS, THADS;
- UBND xã TD;
- Bị cáo, người bị hại
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Dũng